

NGHỊ QUYẾT

Về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Đắk R'lấp

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP
KHÓA VIII - KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03 Chương trình mục tiêu

quốc gia; Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia và điều chỉnh một số chỉ tiêu mục tiêu, nhiệm vụ của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của HĐND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước, tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương và cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của HĐND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 24 tháng 10 năm 2023 của HĐND tỉnh Đắk Nông sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của HĐND tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của HĐND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh Đắk Nông sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 8 và Điều 11 của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của HĐND tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2022 của HĐND tỉnh Đắk Nông về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển để thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của HĐND tỉnh Đắk Nông về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐND ngày 24 tháng 10 năm 2023 của HĐND tỉnh Đắk Nông về việc phân cấp thẩm quyền quyết định, điều chỉnh danh mục dự án đầu tư công trung hạn và hằng năm thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 08 tháng 11 năm 2024 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển, bổ sung danh mục dự án đầu tư công giai đoạn 2021-2025 và phân bổ kế hoạch vốn năm 2024 để thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh Đắk Nông về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ kế hoạch dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Quyết định số 1530/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ kế hoạch dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Xét Tờ trình số 141/TTr-UBND ngày 12/12/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk R'Lấp về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Đắk R'lấp;

Sau khi nghe Báo cáo thẩm tra số 96/BC-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tham dự kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Đắk R'lấp năm 2025. Cụ thể như sau:

1. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi từ 1%.

2. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: Giảm tỷ lệ hộ nghèo, mức giảm 0,2% trở lên; tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ, mức giảm từ 1%.

3. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:

- Duy trì 10 xã đáp ứng tiêu chí nông thôn mới theo bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025.

- Có thêm 01 xã nông thôn mới nâng cao; 01 xã nông thôn mới kiểu mẫu.

- Duy trì số tiêu chí bình quân mỗi xã đạt 19 tiêu chí/xã.

- Hoàn thiện hồ sơ đề trình công nhận Huyện nông thôn mới trong năm 2025.

Điều 2. Tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 dự kiến là 38.791 triệu đồng; trong đó: ngân sách Trung ương 19.635 triệu đồng, ngân sách tỉnh 180 triệu đồng, ngân sách huyện là 18.976 triệu đồng, dự kiến phân bổ như sau:

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 3.301 triệu đồng; trong đó: ngân sách Trung ương là 1.726 triệu đồng, ngân sách tỉnh 180 triệu đồng, ngân sách huyện 1.395 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững 98 triệu đồng; trong đó: ngân sách Trung ương 90 triệu đồng, ngân sách huyện 8 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 35.392 triệu đồng; trong đó: ngân sách Trung ương 17.819 triệu đồng, ngân sách huyện 17.573 triệu đồng.

(Chi tiết như Phụ lục I, I.1, I.2, I.3 kèm theo)

Điều 3. Giải pháp thực hiện

1. Thực hiện theo quy định Luật Đầu tư công, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia, Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và các quy định có liên quan; đẩy nhanh công tác chuẩn bị đầu tư, kiên quyết cắt giảm thủ tục không cần thiết, công tác giải ngân vốn đầu tư công đạt hiệu quả cao và gắn trách nhiệm của tổ chức, cá nhân, nhất là người đứng đầu trong việc triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn.

2. Đẩy nhanh công tác chuẩn bị đầu tư, kiên quyết cắt giảm thủ tục không cần thiết, công tác giải ngân vốn đầu tư công đạt hiệu quả cao và gắn trách nhiệm của tổ chức, cá nhân, nhất là người đứng đầu trong việc triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn.

3. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, phân công, phân nhiệm, cá thể hóa trách nhiệm đi đôi với phối hợp, giám sát, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện và khen thưởng, kỷ luật kịp thời, nghiêm minh; tập trung vốn để hoàn thành dứt điểm các dự án đã được phê duyệt, chuẩn bị đầy đủ điều kiện để triển khai thi công, bố trí vốn để hoàn thành dự án đúng thời gian theo quy định.

Điều 4. Hội đồng nhân dân huyện giao:

1. Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện Nghị quyết:

a) Xây dựng và triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định của Luật đầu tư công, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành trung ương.

b) Chỉ đạo các chủ đầu tư và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện công tác đầu tư theo đúng quy định của pháp luật; bảo đảm tiến độ và chất lượng công trình; nghiệm thu, bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng theo kế hoạch; phát huy hiệu quả đầu tư, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

c) Định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân huyện về kết quả thực hiện. Đối với trường hợp có phát sinh, điều chỉnh, Ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét, quyết định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Đắk R'Lấp khoá VIII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 19 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua. /.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- TT. Huyện uỷ;
- UBNDTTQVN huyện;
- Các phòng, ban, đơn vị, đoàn thể huyện;
- TT. HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, HSNQ.

**CHỦ TỊCH****Đỗ Thanh Cát**

Phụ lục I

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐẮK R'LẤP

(Kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện Đắk R'Lấp)

DVT: Triệu đồng

STT	Chương trình	Tổng cộng	Ngân sách Trung ương	Vốn đối ứng của Ngân sách địa phương			
				Tổng cộng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ghi chú
	Tổng cộng	38.791	19.635	19.156	180	18.976	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	3.301	1.726	1.575	180	1.395	Chi tiết tại phụ lục I.1
*	Phân bổ	1.640	1.460	180	180		
*	Chưa phân bổ	1.661	266	1.395		1.395	
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	98	90	8	-	8	Chi tiết tại phụ lục I.2
*	Phân bổ	98	90	8	-	8	
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	35.392	17.819	17.573		17.573	Chi tiết tại phụ lục I.3
*	Phân bổ	35.392	17.819	17.573		17.573	



Phụ lục I.1

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2024 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐẮK R'LẤP

(Kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện Đắk R'Lấp)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên Công trình	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước năm báo cáo	Kế hoạch vốn năm 2025				Ghi chú	
				Số; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng cộng	NSW	Đối ứng NS địa phương			
					Tổng số các nguồn vốn					Trong đó: vốn NSNN	NS tỉnh		NS huyện
	TỔNG CỘNG				3.285	3.285	4.111	2.205	3.301	1.726	180	1.395	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt						826	380	446	266	180		
1	Nội dung hỗ trợ nhà ở						560	380	180	0	180		
1.1		UBND xã Nhân Đạo					280	190	90		90		
1.2		UBND xã Quảng Tín					280	190	90		90		
2	Hỗ trợ đất sản xuất						266	0	266	266	0	0	
2.1	Chưa phân bổ						266		266	266			
II	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc				3.285	3.285	3.285	1.825	1.460	1.460	0		
1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi				3.285	3.285	3.285	1.825	1.460	1.460	0		



TT	Tên Công trình	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước năm báo cáo	Kế hoạch vốn năm 2025				Ghi chú
				Số; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng cộng	NSW	Đối ứng NS địa phương		
					Tổng số các nguồn vốn	Trong đó: vốn NSNN					NS tỉnh	NS huyện	
1.1	Nâng cấp, mở rộng từ đoạn đường giao cắt đường Đạo Nghĩa - Quảng Khê vào Bon Pi Nao	UBND xã Nhân Đạo	2023-2024	30/QĐ-UBND ngày 30/10/2023	1.440	1.440	1.440	1.054	386	386			
1.2	Công trình hệ thống mương thoát nước Bon Bu Sê Rê I, xã Đăk Ru: Đoạn từ ngã ba Trường TH Trần Phú đến nhà ông Điều Nhiêu	UBND xã Đăk Ru	2024	41/QĐ - UBND, ngày 12/06/2024	353	353	353	342	11	11			
1.3	Công trình đường giao thông nông thôn Bon Bu Sê Rê I, xã Đăk Ru: Đoạn từ nhà ông Điều Hùng Đến nhà ông Điều Đơi	UBND xã Đăk Ru	2024	40/QĐ - UBND, ngày 12/06/2024	442	442	442	429	13	13			
1.4	Công trình: Nâng cấp mở rộng tuyến đường giao thông nông thôn tại Bon Đăng K Liêng	UBND xã Quảng Tín	2024-2025		1.050	1.050	1.050		1.050	1.050			
III	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch								1.395			1.395	
1	Chưa phân bổ								1.395			1.395	

Phụ lục I.2

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐẮK R'LẤP

(Kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện Đắk R'Lấp)

DVT: Triệu đồng

TT	Tên Công trình	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước năm báo cáo	Kế hoạch vốn năm 2025			Ghi chú
				Số; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng cộng	NSW	Đổi ứng NS huyện	
					Tổng số các nguồn vốn	Trong đó: vốn NSNN						
TỔNG CỘNG							302		98	90	8	
I	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững						302		98	90	8	
1	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững						302		98	90	8	
1.1	Mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin để xây dựng cơ sở dữ liệu	Phòng Lao động-Thương binh và Xã Hội					302		98	90	8	

Phụ lục I.3

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐẮK R'LẤP

(Kèm theo Nghị quyết số 36 /NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện Đắk R'Lấp)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên Công trình	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước năm báo cáo	Kế hoạch vốn năm 2025						Ghi chú
				Số; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng	NS Trung ương	Đối ứng NS huyện		Trả nợ đối ứng NS huyện năm 2024		
					Tổng số các nguồn vốn	Trong đó: vốn NSNN					Nguồn đất	Nguồn tỉnh phân cấp	Nguồn đất	Nguồn tỉnh phân cấp	
	TỔNG CỘNG				110.506	87.354	87.336	34.332	34.230	17.819	12.285	5.288	5.745	11.828	
	XÃ KIẾN THÀNH				4.608	3.163	3.145	795	1.573	787	430	356	0	795	
I	ĐƯỜNG GIAO THÔNG				3.308	2.008	2.008	558	892	446	90	356	0	558	
I	Công trình chuyển tiếp				1.680	1.116	1.116	558	0	0	0	0	0	558	
1.1	Đường giao thông thôn 6 đi thôn 7 giai đoạn 2 xã Kiến Thành	Ban quản lý xã Kiến Thành	2023-2024	182/QĐ-UBND ngày 15/12/ 2023	435	336	336	168						168	
1.2	Đường thôn 4 tuyến 9 xã Kiến Thành	Ban quản lý xã Kiến Thành	2023-2024	181/QĐ-UBND ngày 15/12/ 2023	509	318	318	159						159	
1.3	Đường thôn 4 tuyến 2 xã Kiến Thành	Ban quản lý xã Kiến Thành	2023-2024	180/QĐ-UBND ngày 15/12/ 2023	736	462	462	231						231	
2	Công trình mở mới				1.628	892	892	0	892	446	90	356			
2.1	Đường nội thôn 4 đoạn 5, xã Kiến Thành	Ban quản lý xã Kiến Thành	2024-2025		360	180	180		180	90		90			
2.2	Đường nội thôn 4 đoạn 6, xã Kiến Thành	Ban quản lý xã Kiến Thành	2024-2025		444	222	222		222	111		111			
2.3	Đường nội thôn 8 đoạn 8, xã Kiến Thành	Ban quản lý xã Kiến Thành	2024-2025		240	120	120		120	60		60			
2.4	Đường nội thôn 8 đoạn 9, xã Kiến Thành	Ban quản lý xã Kiến Thành	2024-2025		360	180	180		180	90	90				
2.5	Đường thôn 5 tuyến 3 xã Kiến Thành	Ban quản lý xã Kiến Thành	2024-2025		224	190	190		190	95		95			
II	CÔNG TRÌNH GIÁO DỤC				500	475	457	237	1	1	0	0	0	237	
I	Công trình chuyển tiếp				500	475	457	237	1	1	0	0	0	237	
1.1	Xây kè đá và tường rào trường TH Võ Thị Sáu, xã Kiến Thành	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đắk R'Lấp	2024	412/QĐ-UBND ngày 02/02/ 2024	500	475	457	237	1	1				237	

TT	Tên Công trình	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước năm báo cáo	Kế hoạch vốn năm 2025						Ghi chú
				Số; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng	NS Trung ương	Đối ứng NS huyện		Trả nợ đối ứng NS huyện năm 2024		
					Tổng số các nguồn vốn	Trong đó: vốn NSNN					Nguồn đất	Nguồn tỉnh phân cấp	Nguồn đất	Nguồn tỉnh phân cấp	
III	CÔNG TRÌNH VĂN HÓA				800	680	680	0	680	340	340	0			
1	Công trình mở mới				800	680	680	0	680	340	340	0			
1.1	Xây mới Hội trường thôn 5, xã Kiến Thành	UBND xã Kiến Thành	2024-2025		800	680	680		680	340	340				
	XÃ QUẢNG TÍN				25.357	19.386	19.386	9.300	6.165	3.141	3.024	0	1.000	2.920	
1	ĐƯỜNG GIAO THÔNG				10.957	5.786	5.786	285	5.215	2.606	2.609	0	0	285	
1	Công trình chuyển tiếp				1.025	570	570	285	0	0	0	0	0	285	
1.1	Đường thôn 4 đoạn 1 xã Quảng Tín	Ban quản lý xã Quảng Tín	2023-2024	255/QĐ-UBND ngày 19/12/ 2023	485	300	300	150						150	
1.2	Đường thôn Sadaco đoạn 4 xã Quảng Tín	Ban quản lý xã Quảng Tín	2023-2024	256/QĐ-UBND ngày 19/12/ 2023	540	270	270	135						135	
2	Công trình mở mới				9.932	5.216	5.216	0	5.215	2.606	2.609				
2.1	Đường giao thông thôn 3 tổ 1 (Tuyên 2), xã Quảng Tín	Ban quản lý xã Quảng Tín	2024-2025		600	300	300		300	150	150				
2.2	Đường giao thông Bón Bù Bờ (Ngã ba Cây Cày đến suối đá), xã Quảng Tín	Ban quản lý xã Quảng Tín	2024-2025		600	300	300		300	150	150				
2.3	Đường giao thông thôn 4 đoạn tổ 6, xã Quảng Tín	Ban quản lý xã Quảng Tín	2024-2025		720	360	360		360	180	180				
2.4	Đường giao thông thôn 9 đoạn 4, xã Quảng Tín	Ban quản lý xã Quảng Tín	2024-2025		600	300	300		300	150	150				
2.5	Đường giao thông thôn 6 (Nhà bà Nga đến hết đường), xã Quảng Tín	Ban quản lý xã Quảng Tín	2024-2025		1.200	600	600		600	300	300				
2.6	Đường thôn 1 đoạn 1 xã Quảng Tín	Ban quản lý xã Quảng Tín	2024-2025		600	300	300		300	150	150				
2.7	Đường thôn 2 đoạn 2 xã Quảng Tín	Ban quản lý xã Quảng Tín	2024-2025		960	480	480		480	240	240				
2.8	Đường thôn 3 đoạn 4 xã Quảng Tín	Ban quản lý xã Quảng Tín	2024-2025		1.440	720	720		720	360	360				
2.9	Đường thôn Sadaco đoạn 5 xã Quảng Tín	Ban quản lý xã Quảng Tín	2024-2025		192	163	163		163	81	82				
2.10	Đường thôn 5 đoạn 3 xã Quảng Tín	Ban quản lý xã Quảng Tín	2024-2025		112	95	95		95	47	48				
2.11	Đường thôn 5 đoạn 1 xã Quảng Tín	Ban quản lý xã Quảng Tín	2024-2025		660	330	330		330	165	165				

TT	Tên Công trình	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước năm báo cáo	Kế hoạch vốn năm 2025						Ghi chú
				Số; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng	NS Trung ương	Đối ứng NS huyện		Trả nợ đối ứng NS huyện năm 2024		
					Tổng số các nguồn vốn	Trong đó: vốn NSNN					Nguồn đất	Nguồn tỉnh phân cấp	Nguồn đất	Nguồn tỉnh phân cấp	
2.12	Đường thôn 9 đoạn 8 xã Quảng Tín	Ban quản lý xã Quảng Tín	2024-2025		1.200	600	600		600	300	300				
2.13	Đường thôn 2 đoạn 3 xã Quảng Tín	Ban quản lý xã Quảng Tín	2024-2025		600	300	300		300	150	150				
2.14	Đường thôn 6 đoạn 1 xã Quảng Tín	Ban quản lý xã Quảng Tín	2024-2025		128	105	105		105	52	53				
2.15	Đường thôn 5 đoạn 3 xã Quảng Tín	Ban quản lý xã Quảng Tín	2024-2025		144	118	118		118	59	59				
2.16	Đường thôn Sadaco đoạn 3 xã Quảng Tín	Ban quản lý xã Quảng Tín	2024-2025		176	144	144		144	72	72				
II	CÔNG TRÌNH GIÁO DỤC				13.600	12.920	12.920	9.015	270	195	75	0	1.000	2.635	
I	Công trình chuyển tiếp				13.600	12.920	12.920	9.015	270	195	75	0	1.000	2.635	
1.1	Xây mới 08 phòng học và phòng bộ môn trường THCS Lương Thế Vinh xã Quảng Tín	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	2023-2024	2798/QĐ-UBND, ngày 11/9/2023	5.600	5.320	5.320	3.705	155	80	75		1.000	460	
1.2	Xây mới 04 phòng học trường TH Lê Hồng Phong xã Quảng Tín	Phòng GD&ĐT	2023-2024	3203/QĐ-UBND ngày 09/10/ 2023	2.400	2.280	2.280	1.605	35	35				640	
1.3	Xây mới 08 phòng học trường THCS Lý Tự Trọng xã Quảng Tín	Phòng GD&ĐT	2023-2024	3273/QĐ-UBND ngày 16/10/ 2023	5.600	5.320	5.320	3.705	80	80				1.535	
III	CÔNG TRÌNH VĂN HÓA				800	680	680	0	680	340	340	0	0	0	
I	Công trình mở mới				800	680	680	0	680	340	340	0	0	0	
1.1	Xây mới Hội trường thôn 9, xã Quảng Tín	UBND xã Quảng Tín	2024-2025		800	680	680		680	340	340				
	XÃ ĐẮK RU				13.904	12.202	12.202	6.872	2.120	1.103	1.017	0	0	3.210	
I	ĐƯỜNG GIAO THÔNG				4.892	3.601	3.601	840	1.921	960	961	0	0	840	
1	Công trình chuyển tiếp				2.336	1.680	1.680	840	0	0	0	0	0	840	
1.1	Đường trục thôn Tân Lập tuyến 2 xã Đắk Ru	Ban quản lý xã Đắk Ru	2023-2024	97/QĐ-UBND ngày 19/12/ 2023	1.168	840	840	420						420	
1.2	Đường trục thôn 8 tuyến 3 xã Đắk Ru	Ban quản lý xã Đắk Ru	2023-2024	96/QĐ-UBND ngày 19/12/ 2023	1.168	840	840	420						420	
2	Công trình mở mới				2.556	1.921	1.921	0	1.921	960	961	0	0	0	
2.1	Đường trục Bon Bu sê rê 1 tuyến 3 xã Đắk Ru	Ban quản lý xã Đắk Ru	2024-2025		720	504	504		504	252	252				

TT	Tên Công trình	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước năm báo cáo	Kế hoạch vốn năm 2025						Ghi chú
				Số; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng	NS Trung ương	Đối ứng NS huyện		Trả nợ đối ứng NS huyện năm 2024		
					Tổng số các nguồn vốn	Trong đó: vốn NSNN					Nguồn đất	Nguồn tỉnh phân cấp	Nguồn đất	Nguồn tỉnh phân cấp	
2.2	Đường trục thôn Tân Lập tuyến 2 (GD2)	Ban quản lý xã Đăk Ru	2024-2025		160	136	136	136	68	68					
2.3	Đường nội thôn Tân Lợi đoạn 4	Ban quản lý xã Đăk Ru	2024-2025		236	201	201	201	100	101					
2.4	Đường thôn Tân Lập đoạn 3	Ban quản lý xã Đăk Ru	2024-2025		320	272	272	272	136	136					
2.5	Đường nội thôn 8	Ban quản lý xã Đăk Ru	2024-2025		160	136	136	136	68	68					
2.6	Đường trục thôn Đoàn Kết tuyến 2, xã Đăk Ru	Ban quản lý xã Đăk Ru	2024-2025		960	672	672	672	336	336					
II	CÔNG TRÌNH GIÁO DỤC				9.012	8.601	8.601	6.032	199	143	56	0	0	2.370	
I	Công trình chuyển tiếp				9.012	8.601	8.601	6.032	199	143	56	0	0	2.370	
1.1	Hệ thống thoát nước sau dãy phòng học, sân chơi trẻ, nhà vòm trường mầm non Hoa Đào xã Đăk Ru	Phòng GD&ĐT	2023-2024	3289/QĐ-UBND ngày 19/10/ 2023	1.000	950	950	711	14	14				225	
1.2	Khôi phục chỉnh trường THCS Nguyễn Trãi bon Bu SRê 2 xã Đăk Ru	Phòng GD&ĐT	2023-2024	3272/QĐ-UBND ngày 16/10/ 2023	2.000	1.940	1.940	1.441	29	29				470	
1.3	08 phòng học trường tiểu học trường TH Phan Chu Trinh xã Đăk Ru	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	2023-2024	2795/QĐ-UBND, ngày 11/9/2023	5.600	5.320	5.320	3.705	125	80	45			1.490	
1.4	Xây mới nhà vệ sinh bon Bu SRê 2 Trường THCS Nguyễn Trãi xã Đăk Ru	Phòng GD&ĐT	2023-2024	3824/QĐ-UBND ngày 13/12/ 2023	412	391	391	175	31	20	11			185	
	XÃ ĐẮK SIN				8.297	6.060	6.060	1.207	4.345	2.172	2.173	0	507	0	
I	ĐƯỜNG GIAO THÔNG				6.497	4.480	4.480	420	3.639	1.819	1.820	0	420	0	
I	Công trình chuyển tiếp				1.198	840	840	420	0	0	0	0	420	0	
1.1	Đường trục thôn 16 xã Đăk Sin	Ban quản lý xã Đăk Sin	2023-2024	114/QĐ-UBND ngày 20/12/ 2023	1.198	840	840	420					420		
2	Công trình mở mới				5.299	3.640	3.640	0	3.639	1.819	1.820	0	0	0	
2.1	Đường nội thôn 2 xã Đăk Sin giai đoạn 3	Ban quản lý xã Đăk Sin	2024-2025		1.080	540	540		540	270	270				
2.2	Hệ thống mương thoát nước đưng xuống cầu tam đa xã Đăk Sin	Ban quản lý xã Đăk Sin	2024-2025		531	451	451		451	225	226				
2.3	Đường trục thôn 10 xã Đăk Sin	Ban quản lý xã Đăk Sin	2024-2025		1.200	840	840		840	420	420				
2.4	Đường trục thôn 13 xã Đăk Sin	Ban quản lý xã Đăk Sin	2024-2025		600	420	420		420	210	210				

TT	Tên Công trình	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết kế hoạch năm báo cáo	Kế hoạch vốn năm 2025						Ghi chú
				Số; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng	NS Trung ương	Đối ứng NS huyện		Trả nợ đối ứng NS huyện năm 2024		
					Tổng số các nguồn vốn	Trong đó: vốn NSNN					Nguồn đất	Nguồn tính phân cấp	Nguồn đất	Nguồn tính phân cấp	
2.5	Đường trục thôn 7 xã Đăk Sin	Ban quản lý xã Đăk Sin	2024-2025		840	588	588	588	294	294					
2.6	Đường trục thôn 11 xã Đăk Sin	Ban quản lý xã Đăk Sin	2024-2025		600	420	420	420	210	210					
2.7	Đường trục thôn 4 xã Đăk Sin	Ban quản lý xã Đăk Sin	2024-2025		224	190	190	190	95	95					
2.8	Đường trục thôn 7 xã Đăk Sin	Ban quản lý xã Đăk Sin	2024-2025		224	190	190	190	95	95					
II	CÔNG TRÌNH VĂN HÓA				800	680	680	0	680	340	340	0	0	0	
I	Công trình mới				800	680	680	0	680	340	340	0	0	0	
1.1	Xây mới Hội trường thôn 7, xã Đăk Sin	Ban quản lý xã Đăk Sin	2024-2025		800	680	680	680	340	340					
III	THIẾT CHẾ VĂN HÓA				1.000	900	900	787	26	13	13	0	87	0	
I	Công trình chuyển tiếp				1.000	900	900	787	26	13	13	0	87	0	
1.1	Điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi xã Đăk Sin	UBND xã Đăk Sin	2023-2024	3438/QĐ-UBND ngày 01/11/ 2023	1.000	900	900	787	26	13	13		87		
	XÃ ĐẠO NGHĨA				5.579	4.320	4.320	2.783	27	27	0	0	1.510	0	
I	ĐƯỜNG GIAO THÔNG				3.579	2.520	2.520	1.260	0	0	0	0	1.260	0	
I	Công trình chuyển tiếp				3.579	2.520	2.520	1.260	0	0	0	0	1.260	0	
1.1	Đường Lò Gạch xã Đạo Nghĩa	Ban quản lý chương trình MTQG xã Đạo Nghĩa	2023-2024	120/QĐ-UBND ngày 01/11/ 2023	3.579	2.520	2.520	1.260					1.260		
II	THIẾT CHẾ VĂN HÓA				2.000	1.800	1.800	1.523	27	27	0	0	250	0	
I	Công trình chuyển tiếp				2.000	1.800	1.800	1.523	27	27	0	0	250	0	
1.1	Điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi xã Đạo Nghĩa	UBND xã Đạo Nghĩa	2023-2024	3344/QĐ-UBND ngày 24/10/ 2023	2.000	1.800	1.800	1.523	27	27			250		
	XÃ NHÂN ĐẠO				10.480	9.335	9.335	5.819	1.055	574	364	117	0	2.461	
I	ĐƯỜNG GIAO THÔNG				1.380	690	690	0	690	345	345	0			
I	Công trình mới				1.380	690	690	0	690	345	345	0			
1.1	Đường giao thông thôn 8 đoạn 5, xã Nhân Đạo	Ban quản lý xã Nhân Đạo	2024-2025		600	300	300		300	150	150				
1.2	Đường giao thông thôn 3 đoạn 2	Ban quản lý xã Nhân Đạo	2024-2025		780	390	390		390	195	195				
II	CÔNG TRÌNH GIÁO DỤC				9.100	8.645	8.645	5.819	365	229	19	117	0	2.461	
I	Công trình chuyển tiếp				9.100	8.645	8.645	5.819	365	229	19	117	0	2.461	

TT	Tên Công trình	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước năm báo cáo	Kế hoạch vốn năm 2025						Ghi chú
				Số; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng	NS Trung ương	Đối ứng NS huyện		Trả nợ đối ứng NS huyện năm 2024		
					Tổng số các nguồn vốn	Trong đó: vốn NSNN					Nguồn đất	Nguồn tính phân cấp	Nguồn đất	Nguồn tính phân cấp	
1.1	Xây mới 08 phòng học điểm chính Trường TH Nguyễn Thái Học xã Nhân Đạo	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	2023-2024	2797/QĐ-UBND, ngày 11/9/2023	5.600	5.320	5.320	3.705	99	80	19			1.516	
1.2	Xây mới 04 phòng học điểm bon Pi Nao trường TH Nguyễn Thái Học xã Nhân Đạo	Phòng GD&ĐT	2023-2024	3275/QĐ-UBND ngày 16/10/ 2023	2.200	2.090	2.090	1.614	31	31				445	
1.3	Xây mới 02 phòng học trường THCS Nguyễn Khuyến, xã Nhân Đạo	Phòng GD&ĐT	2024	559/QĐ-UBND ngày 05/3/ 2024	1.300	1.235	1.235	500	235	118		117		500	
	XÃ NHÂN CƠ				35.355	28.836	28.836	6.728	16.549	8.817	4.079	4.815	2.140	2.202	
I	ĐƯỜNG GIAO THÔNG				12.955	7.741	7.741	885	5.971	2.984	0	2.987	0	885	
I	Công trình chuyển tiếp				2.833	1.770	1.770	885	0	0	0	0	0	885	
1.1	Đường nội thôn 11 tuyến 5 xã Nhân Cơ	Ban quản lý chương trình MTQG xã Nhân Cơ	2023-2024	141/QĐ-UBND ngày 06/12/ 2023	378	240	240	120						120	
1.2	Đường nội thôn 8 tuyến 1 xã Nhân Cơ	Ban quản lý chương trình MTQG xã Nhân Cơ	2023-2024	143/QĐ-UBND ngày 06/12/ 2023	960	600	600	300						300	
1.3	Đường nội thôn 6 tuyến 1 xã Nhân Cơ	Ban quản lý chương trình MTQG xã Nhân Cơ	2023-2024	144/QĐ-UBND ngày 06/12/ 2023	1.495	930	930	465						465	
I	Công trình mở mới				10.122	5.971	5.971	0	5.971	2.984	0	2.987			
1.1	Mương thoát nước Bon Bù Đáp, xã Nhân Cơ	Ban quản lý chương trình MTQG xã Nhân Cơ	2024-2025		750	713	713		713	356		357			
1.2	Đường nội thôn 17 giai đoạn 5, xã Nhân Cơ	Ban quản lý chương trình MTQG xã Nhân Cơ	2024-2025		240	120	120		120	60		60			
1.3	Đường từ thôn 17 đi thôn 6	Ban quản lý chương trình MTQG xã Nhân Cơ	2024-2025		192	164	164		164	82		82			
1.4	Đường từ thôn 12 đi thôn 6	Ban quản lý chương trình MTQG xã Nhân Cơ	2024-2025		384	326	326		326	163		163			
1.5	Đường nội thôn 5 tuyến 2	Ban quản lý chương trình MTQG xã Nhân Cơ	2024-2025		240	120	120		120	60		60			
1.6	Đường nội thôn 9 tuyến 4	Ban quản lý chương trình MTQG xã Nhân Cơ	2024-2025		720	360	360		360	180		180			
1.7	Đường nội thôn 11 tuyến 3	Ban quản lý chương trình MTQG xã Nhân Cơ	2024-2025		360	180	180		180	90		90			
1.8	Đường nội thôn 17 tuyến 1	Ban quản lý chương trình MTQG xã Nhân Cơ	2024-2025		720	360	360		360	180		180			

TT	Tên Công trình	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước năm báo cáo	Kế hoạch vốn năm 2025						Ghi chú
				Số; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng	NS Trung ương	Đối ứng NS huyện		Trả nợ đối ứng NS huyện năm 2024		
					Tổng số các nguồn vốn	Trong đó: vốn NSNN					Nguồn đất	Nguồn tỉnh phân cấp	Nguồn đất	Nguồn tỉnh phân cấp	
1.9	Đường nội thôn 7 tuyến 3	Ban quản lý chương trình MTQG xã Nhân Cơ	2024-2025		128	109	109	109	54		55				
1.10	Đường nội thôn 12	Ban quản lý chương trình MTQG xã Nhân Cơ	2024-2025		320	272	272	272	136		136				
1.11	Đường nội thôn 6 tuyến 2	Ban quản lý chương trình MTQG xã Nhân Cơ	2024-2025		608	517	517	517	258		259				
1.12	Đường nội thôn 17 tuyến 2	Ban quản lý chương trình MTQG xã Nhân Cơ	2024-2025		960	480	480	480	240		240				
1.13	Đường nội thôn 17 tuyến 4	Ban quản lý chương trình MTQG xã Nhân Cơ	2024-2025		1.080	540	540	540	270		270				
1.14	Đường nội thôn 5, tuyến 4, xã Nhân Cơ	Ban quản lý chương trình MTQG xã Nhân Cơ	2024-2025		180	90	90	90	45		45				
1.15	Đường nội thôn 8, tuyến 4, xã Nhân Cơ	Ban quản lý chương trình MTQG xã Nhân Cơ	2024-2025		420	210	210	210	105		105				
1.16	Đường nội thôn 7, tuyến 4, xã Nhân Cơ	Ban quản lý chương trình MTQG xã Nhân Cơ	2024-2025		600	300	300	300	150		150				
1.17	Đường nội thôn 7, tuyến 5, xã Nhân Cơ	Ban quản lý chương trình MTQG xã Nhân Cơ	2024-2025		360	180	180	180	90		90				
1.18	Đường nội thôn 8, tuyến 1, xã Nhân Cơ (GD2)	Ban quản lý chương trình MTQG xã Nhân Cơ	2024-2025		180	90	90	90	45		45				
1.19	Đường nội thôn 6, tuyến 1 xã Nhân Cơ (GD2)	Ban quản lý chương trình MTQG xã Nhân Cơ	2024-2025		1.680	840	840	840	420		420				
II	CÔNG TRÌNH GIÁO DỤC				20.800	19.735	19.735	5.843	9.218	5.153	3.399	1.828	2.140	1.317	
1	Công trình chuyển tiếp				12.700	12.040	12.040	5.843	2.685	1.306	713	666	2.140	1.317	
1.1	08 phòng học Trường TH Lê Đình Chinh xã Nhân Cơ	Phòng GD&ĐT	2023-2024	3150/QĐ-UBND ngày 04/10/ 2023	6.000	5.700	5.700	4.010	132	85	47		1.140	418	
1.2	Xây mới 08 phòng học và hạ tầng kỹ thuật trường TH Nguyễn Viết Xuân, xã Nhân Cơ	Phòng GD&ĐT	2024-2025	500/QĐ-UBND ngày 28/2/ 2024	6.100	5.770	5.770	1.558	2.543	1.211	666	666	1.000	614	
1.3	Xây mới mương thoát nước và sửa chữa tường rào trường THCS Nguyễn Công Trứ, xã Nhân Cơ	UBND xã Nhân Cơ	2024	558/QĐ-UBND ngày 05/3/ 2024	600	570	570	275	10	10				285	
2	Công trình mở mới				8.100	7.695	7.695	0	6.533	3.847	2.686	1.162			
2.1	Xây mới 08 phòng học, khối hành chính và hạ tầng kỹ thuật trường Nguyễn Công Trứ - xã Nhân Cơ	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất	2024-2025		8.100	7.695	7.695		6.533	3.847	2.686	1.162			



TT	Tên Công trình	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước năm báo cáo	Kế hoạch vốn năm 2025						Ghi chú
				Số; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng	NS Trung ương	Đối ứng NS huyện		Trả nợ đối ứng NS huyện năm 2024		
					Tổng số các nguồn vốn	Trong đó: vốn NSNN					Nguồn đất	Nguồn tỉnh phân cấp	Nguồn đất	Nguồn tỉnh phân cấp	
III	CÔNG TRÌNH VĂN HÓA				1.600	1.360	1.360	0	1.360	680	680	0			
1	Công trình mở mới				1.600	1.360	1.360	0	1.360	680	680	0			
1.1	Xây mới hội trường thôn 11 xã Nhân Cơ	Ban quản lý chương trình MTQG xã Nhân Cơ	2024-2025		800	680	680		680	340	340				
1.2	Xây mới Hội trường thôn 8, xã Nhân Cơ	Ban quản lý chương trình MTQG xã Nhân Cơ	2024-2025		800	680	680		680	340	340				
	XÃ NGHĨA THẮNG				5.174	3.022	3.022	588	1.846	923	923	0	588	0	
1	ĐƯỜNG GIAO THÔNG				5.174	3.022	3.022	588	1.846	923	923	0	588	0	
1	Công trình chuyển tiếp				1.646	1.176	1.176	588	0	0	0	0	588	0	
1.1	Đường trục thôn Quảng Trung xã Nghĩa Thắng	Ban quản lý xã Nghĩa Thắng	2023-2024	156/QĐ-UBND ngày 20/12/ 2024	1.646	1.176	1.176	588					588		
2	Công trình mở mới				3.528	1.846	1.846	0	1.846	923	923	0			
2.1	Đường nội thôn Quảng hòa xã Nghĩa Thắng giai đoạn 5	Ban quản lý xã Nghĩa Thắng	2024-2025		1.560	780	780		780	390	390				
2.2	Đường nội đồng thôn Bù Đốp, xã Nghĩa Thắng	Ban quản lý xã Nghĩa Thắng	2024-2025		1.560	780	780		780	390	390				
2.3	Đường Quảng Hòa	Ban quản lý xã Nghĩa Thắng	2024-2025		288	202	202		202	101	101				
2.4	Đường Quảng Chánh	Ban quản lý xã Nghĩa Thắng	2024-2025		120	84	84		84	42	42				
	XÃ HƯNG BÌNH				1.752	1.030	1.030	240	550	275	275	0	0	240	
1	ĐƯỜNG GIAO THÔNG				1.752	1.030	1.030	240	550	275	275	0	0	240	
1	Công trình mở mới				808	480	480	240	0	0	0	0	0	240	
1.1	Đường nội thôn 3 tuyến 1 xã Hưng Bình	Ban quản lý xã Hưng Bình	2023- 2024	147/QĐ-UBND ngày 19/12/ 2023	808	480	480	240						240	
2	Công trình mở mới				944	550	550	0	550	275	275	0			
2.1	Đường nội thôn 1 tuyến 12	Ban quản lý xã Hưng Bình	2024-2025		240	120	120		120	60	60				
2.2	Đường nội thôn 4 tuyến 1	Ban quản lý xã Hưng Bình	2024-2025		224	190	190		190	95	95				
2.3	Đường nội thôn 2 tuyến 4	Ban quản lý xã Hưng Bình	2024-2025		480	240	240		240	120	120				